



SeABank

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SBG 210099

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2021

THƯ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

**Kính gửi: CÁC CƠ SỞ Y TẾ THỰC HIỆN KÝ HỢP ĐỒNG
VÀ THỤ HƯỞNG BẢO LÃNH (Theo danh sách phụ lục đính kèm)**

Theo đề nghị của Công ty cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu “Gói thầu số 01: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Cerebrolysin hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021-2022” và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp thuốc cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);

Theo quy định trong HSYC (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho các cơ sở y tế bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Sở Giao dịch có trụ sở đăng ký tại Số 25 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là **7.283.062.561 VNĐ (Bảy tỷ hai trăm tám mươi ba triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi một đồng)**. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không huỷ ngang cho các cơ sở y tế trong phụ lục bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn **7.283.062.561 VNĐ (Bảy tỷ hai trăm tám mươi ba triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi một đồng)** như đã nêu trên, khi có văn bản của cơ sở y tế trong phụ lục thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày 31/05/2023.

Bên nhận bảo lãnh có thể xác thực mọi thông tin về Thư bảo lãnh này bằng cách:

- Nhắn tin theo cú pháp **SB BL <Số seri thư bảo lãnh>** đến số **6089**;
- Gọi điện về tổng đài của SeABank số **1900 555 587**;
- Gửi công văn đề nghị xác thực bảo lãnh về Vận hành Khách hàng Doanh nghiệp Lớn – Chi nhánh Sở Giao dịch tại địa chỉ: Hội sở chính SeABank, số 25 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC VẬN HÀNH KHDN LỚN

Nguyễn Quý Dương

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á (SEABANK)

Hội sở: 25 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (+84 24) 3944 8688 | Fax: (+84 24) 3944 9038

Email: contact@seabank.com.vn



www.seabank.com.vn



www.seabank.com.vn

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á (SEABANK)

Hội sở: 25 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (+84 24) 3944 8688 | Fax: (+84 24) 3944 9038

Email: contact@seabank.com.vn

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ Y TẾ THU HƯỞNG
BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG
(Kèm theo Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số SBG210099 ngày 08/06/2021
của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Sở Giao dịch)

Stt	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị trúng thầu được phân bổ (VNĐ)	Giá trị bảo lãnh (VNĐ)
1	01912	Bệnh viện Châm cứu Trung ương	Hà Nội	2.281.888.000	68.456.640
2	01915	Bệnh viện Nhi Trung ương	Hà Nội	507.187.800	15.215.634
3	01903	Bệnh viện Phổi Hà Nội	Hà Nội	3.255.000	97.650
4	01919	Bệnh viện Tim Hà Nội	Hà Nội	1.051.520.400	31.545.612
5	33070	Trung tâm y tế huyện Văn Giang	Hưng Yên	295.982.160	8.879.465
6	22150	Bệnh viện Sản- Nhi tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	41.761.000	1.252.830
7	40005	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	Nghệ An	959.448.800	28.783.464
8	40543	Bệnh viện đa khoa Thái An	Nghệ An	426.562.850	12.796.886
9	40021	Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	Nghệ An	146.252.000	4.387.560
10	70001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	Bình Phước	544.155.000	16.324.650
11	79075	Bệnh viện Quận 2	TP. HCM	10.025.400	300.762
12	79010	Bệnh viện Quận 4	TP. HCM	138.126.000	4.143.780
13	24009	Bệnh viện đa khoa huyện Việt Yên	Bắc Giang	123.528.540	3.705.856
14	24011	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	575.743.200	17.272.296
15	24004	Trung tâm Y tế huyện Sơn Động	Bắc Giang	55.463.570	1.663.907
16	27174	Bệnh viện Sản nhi tỉnh Bắc Ninh	Bắc Ninh	24.656.460	739.694
17	04001	Bệnh viện ĐK thành phố Cao Bằng	Cao Bằng	27.948.400	838.452
18	02004	Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Bắc Quang	Hà Giang	111.793.600	3.353.808
19	01906	Bệnh viện K	Hà Nội	116.133.600	3.484.008

20	01071	Bệnh viện Nam Thăng Long	Hà Nội	380.566.100	11.416.983
21	01938	Bệnh viện Tâm thần Trung ương I	Hà Nội	126.691.200	3.800.736
22	01014	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	Hà Nội	13.570.980.000	407.129.400
23	01018	Viện Y học Phòng không Không quân	Hà Nội	1.393.726.400	41.811.792
24	30301	BV Phục hồi chức năng Hải Dương	Hải Dương	27.948.400	838.452
25	31022	Bệnh viện Giao thông vận tải Hải Phòng	Hải Phòng	108.069.200	3.242.076
26	31032	Bệnh viện Trẻ em	Hải Phòng	2.111.520	63.346
27	31007	ttyt huyện An Dương	Hải Phòng	5.278.800	158.364
28	33033	Bệnh viện đa khoa Phố Nối	Hưng Yên	329.926.560	9.897.797
29	33011	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	1.852.665.000	55.579.950
30	33052	Công ty cổ phần bệnh viện ĐK Hưng Hà	Hưng Yên	1.064.563.200	31.936.896
31	20015	Trung tâm y tế huyện Đình Lập	Lạng Sơn	52.788.000	1.583.640
32	10004	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Yên - Lào Cai	Lào Cai	5.489.952	164.699
33	37801	Trung tâm y tế huyện Yên Khánh	Ninh Bình	33.538.080	1.006.142
34	25002	Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ	Phú Thọ	106.514.800	3.195.444
35	25001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ	332.272.000	9.968.160
36	25013	Trung tâm y tế huyện Thanh Ba	Phú Thọ	79.182.000	2.375.460
37	22001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	2.271.420.080	68.142.602
38	22021	Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn	Quảng Ninh	31.672.800	950.184
39	22027	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	Quảng Ninh	226.696.000	6.800.880
40	22017	Trung tâm Y tế thị xã Quảng Yên	Quảng Ninh	117.881.920	3.536.458
41	14003	Bệnh viện đa khoa Mộc châu	Sơn La	316.728.000	9.501.840
42	14008	Bệnh viện đa khoa Quỳnh Nhai	Sơn La	29.033.400	871.002
43	14013	Bệnh viện Quân y 6	Sơn La	319.544.400	9.586.332
44	34002	Bệnh viện đa khoa thành phố Thái Bình	Thái Bình	142.352.160	4.270.565
45	34014	Bệnh viện Đại học Y Thái Bình	Thái Bình	55.896.800	1.676.904
46	19013	Bệnh viện C Thái Nguyên	Thái Nguyên	1.254.600.000	37.638.000

47	19006	Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	11.862.680	355.880
48	19010	Bệnh viện đa khoa TW Thái Nguyên	Thái Nguyên	1.133.480.000	34.004.400
49	19014	Bệnh viện Gang thép	Thái Nguyên	928.222.400	27.846.672
50	08104	Bệnh viện Công an tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	33.786.630	1.013.599
51	08101	Bệnh viện đa khoa Tuyên Quang	Tuyên Quang	445.327.600	13.359.828
52	26009	Bệnh viện quân y 109	Vĩnh Phúc	2.478.112.000	74.343.360
53	26016	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	199.370.900	5.981.127
54	26006	Trung tâm y tế huyện Yên Lạc	Vĩnh Phúc	126.691.200	3.800.736
55	52012	Trung tâm y tế huyện An Lão	Bình Định	7.390.320	221.710
56	52014	Trung tâm y tế huyện Hoài Nhơn	Bình Định	287.256.000	8.617.680
57	52009	Trung tâm y tế huyện Phù Cát	Bình Định	306.816.800	9.204.504
58	60012	Bệnh viện đa khoa huyện Hàm Thuận Nam	Bình Thuận	33.538.080	1.006.142
59	60002	Bệnh viện đa khoa khu vực La Gi	Bình Thuận	715.328.208	21.459.846
60	60015	Bệnh viện đa khoa khu vực Nam Bình Thuận	Bình Thuận	447.174.400	13.415.232
61	60001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	105.576.000	3.167.280
62	60004	Bệnh viện huyện Tuy Phong	Bình Thuận	26.394.000	791.820
63	60019	Trung tâm y tế huyện Hàm Tân	Bình Thuận	20.059.440	601.783
64	48065	Bệnh viện 199 - Bộ Công An	Đà Nẵng	238.500.200	7.155.006
65	48120	Bệnh viện Chính hình và PHCN ĐN	Đà Nẵng	1.128.007.144	33.840.214
66	48001	Bệnh viện Đà Nẵng	Đà Nẵng	2.282.504.000	68.475.120
67	48124	Bệnh viện Phụ Sản - Nhi thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	47.509.200	1.425.276
68	48017	Bệnh viện Y học Cổ truyền	Đà Nẵng	447.174.400	13.415.232
69	48005	Trung tâm y tế quận Sơn Trà	Đà Nẵng	29.561.280	886.838
70	48004	Trung tâm y tế quận Thanh Khê	Đà Nẵng	139.742.000	4.192.260
71	66005	Bệnh viện đa khoa huyện Ea Kar	Đắk Lắk	21.115.200	633.456
72	66006	Trung Tâm Y Tế Huyện M'Đrăk	Đắk Lắk	116.133.600	3.484.008
73	66015	Trung tâm y tế huyện Cư M'gar	Đắk Lắk	93.962.640	2.818.879

74	66016	Trung tâm y tế huyện Ea Súp	Đắk Lắk	9.396.264	281.888
75	67012	Bệnh viện đa khoa H.Đắk Mil	Đắk Nông	26.394.000	791.820
76	67050	trung tâm y tế H.Đắk Song	Đắk Nông	9.067.840	272.035
77	67001	Trung tâm Y tế Huyện Đắk GLong	Đắk Nông	5.589.680	167.690
78	64249	Bệnh viện đa khoa khu vực thị xã Ayun Pa	Gia Lai	296.567.000	8.897.010
79	64001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	Gia Lai	1.372.549.600	41.176.488
80	64017	Bệnh viện đại học Y dược Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai	471.721.600	14.151.648
81	64033	Trung tâm y tế huyện IaPa	Gia Lai	8.446.080	253.382
82	64010	Trung tâm y tế huyện Kbang	Gia Lai	21.115.200	633.456
83	64020	Viện Quân Y 211	Gia Lai	616.742.400	18.502.272
84	42001	Bệnh viện đa khoa Thành phố Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	90.678.400	2.720.352
85	42002	Bệnh viện đa khoa Thị xã Hồng Lĩnh	Hà Tĩnh	515.475.600	15.464.268
86	42020	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	643.428.800	19.302.864
87	42003	Trung tâm y tế huyện Hương Sơn	Hà Tĩnh	432.276.800	12.968.304
88	56176	Bệnh viện Đa khoa KV Cam Ranh	Khánh Hòa	9.501.840	285.055
89	62127	Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi	Kon Tum	162.587.040	4.877.611
90	62001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	Kon Tum	978.194.000	29.345.820
91	68580	Trung tâm y tế huyện Di Linh	Lâm Đồng	305.878.000	9.176.340
92	40009	Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc	Nghệ An	500.578.000	15.017.340
93	40008	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu	Nghệ An	222.971.600	6.689.148
94	40006	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	Nghệ An	429.152.600	12.874.578
95	40574	Bệnh viện Quốc tế Vinh	Nghệ An	166.978.610	5.009.358
96	40002	Trung tâm y tế huyện Hưng Nguyên	Nghệ An	362.713.600	10.881.408
97	40015	Trung tâm y tế huyện Kỳ Sơn	Nghệ An	42.230.400	1.266.912
98	40567	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Đàn	Nghệ An	183.526.800	5.505.804
99	40014	Trung tâm y tế huyện Tương Dương	Nghệ An	184.287.072	5.528.612
100	44005	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	Quảng Bình	71.870.942	2.156.128

101	49013	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Quảng Nam	11.179.360	335.381
102	51004	Bệnh viện đa khoa huyện Sơn Tịnh	Quảng Ngãi	283.946.652	8.518.400
103	51010	Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thuỳ Trâm	Quảng Ngãi	270.465.400	8.113.962
104	51001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	1.079.339.160	32.380.175
105	51221	Bệnh viện đa khoa tư nhân Phúc Hưng	Quảng Ngãi	355.511.040	10.665.331
106	51002	Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn	Quảng Ngãi	27.449.760	823.493
107	51007	Trung tâm y tế huyện Minh Long	Quảng Ngãi	6.334.560	190.037
108	51009	Trung tâm Y tế huyện Mộ Đức	Quảng Ngãi	108.004.248	3.240.127
109	51008	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Hành	Quảng Ngãi	42.230.400	1.266.912
110	51005	Trung tâm y tế huyện Sơn Hà	Quảng Ngãi	10.557.600	316.728
111	51003	Trung tâm y tế huyện Trà Bồng	Quảng Ngãi	10.557.600	316.728
112	51006	Trung tâm Y tế huyện Tư Nghĩa	Quảng Ngãi	28.071.520	842.146
113	45004	Trung tâm y tế huyện Gio Linh	Quảng Trị	31.672.800	950.184
114	38270	Bệnh viện đa khoa huyện Mường Lát	Thanh Hóa	137.499.664	4.124.990
115	38250	Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh	Thanh Hóa	42.230.400	1.266.912
116	38160	Bệnh viện đa khoa huyện Nông Cống	Thanh Hóa	183.227.148	5.496.814
117	38240	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hoá	Thanh Hóa	232.651.960	6.979.559
118	38280	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Thanh Hoá	Thanh Hóa	6.628.909.092	198.867.273
119	38287	Bệnh viện nhi Thanh Hoá	Thanh Hóa	301.830.400	9.054.912
120	38040	BV đa khoa huyện Quan Hoá	Thanh Hóa	46.692.758	1.400.783
121	46190	Bệnh viện đa khoa Hoàng Viêt Thắng	Thừa Thiên Huế	98.127.200	2.943.816
122	46005	Viện Quân y 268	Thừa Thiên Huế	90.678.400	2.720.352
123	89004	Bệnh viện đa khoa khu vực Tân Châu	An Giang	328.932.360	9.867.971
124	77003	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa Vũng Tàu	1.653.972.800	49.619.184
125	77036	TTYT Vietsovpetro	Bà Rịa Vũng Tàu	144.155.880	4.324.676
126	95002	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bạc Liêu	Bạc Liêu	1.296.830.400	38.904.912
127	95077	Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Bạc Liêu	Bạc Liêu	5.278.800	158.364

128	95006	Trung tâm Y tế huyện Phước Long	Bạc Liêu	1.155.718.680	34.671.560
129	83200	Trung tâm Y tế huyện Bình Đại	Bến Tre	92.695.728	2.780.872
130	83700	Trung tâm Y tế huyện Thạnh Phú	Bến Tre	93.845.680	2.815.370
131	96001	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	Cà Mau	2.266.960.000	68.008.800
132	96014	Bệnh viện đa khoa KV Trần Văn Thời	Cà Mau	337.006.000	10.110.180
133	92004	BV đa khoa Thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	2.730.971.200	81.929.136
134	75009	Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh	Đồng Nai	725.396.400	21.761.892
135	75001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Nai	Đồng Nai	937.993.564	28.139.807
136	75015	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Cửu - Cơ sở 1	Đồng Nai	97.511.600	2.925.348
137	75013	Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc	Đồng Nai	142.342.920	4.270.288
138	94019	Bệnh viện Đa khoa Hoàng Tuấn	Sóc Trăng	6.334.560	190.037
139	72003	Trung tâm y tế Gò Dầu	Tây Ninh	13.974.200	419.226
140	79040	Bệnh viện đa khoa khu vực Củ Chi	TP. HCM	603.691.600	18.110.748
141	79431	Bệnh viện đại học Y dược TP HCM	TP. HCM	223.279.400	6.698.382
142	79408	Bệnh viện Nhi Đồng II	TP. HCM	105.576.000	3.167.280
143	79032	Bệnh viện Quận Phú Nhuận	TP. HCM	55.896.800	1.676.904
144	79037	Bệnh viện Quận Thủ Đức	TP. HCM	29.138.976	874.169
145	24021	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	60.867.800	1.826.034
146	06001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn	Bắc Kạn	608.678.000	18.260.340
147	06005	Trung tâm y tế huyện Ba Bể	Bắc Kạn	156.517.200	4.695.516
148	06003	Trung tâm y tế huyện Bạch Thông	Bắc Kạn	41.737.920	1.252.138
149	06004	Trung tâm y tế huyện Chợ Đồn	Bắc Kạn	226.080.400	6.782.412
150	06007	Trung tâm y tế huyện Chợ Mới	Bắc Kạn	217.385.000	6.521.550
151	06006	Trung tâm y tế huyện Na Rì	Bắc Kạn	139.126.400	4.173.792
152	06002	Trung tâm y tế huyện Ngân Sơn	Bắc Kạn	49.563.780	1.486.913
153	06031	Trung tâm y tế huyện Pác Nặm	Bắc Kạn	260.862.000	7.825.860
154	27009	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh	Bắc Ninh	1.686.907.600	50.607.228

155	24014	Bệnh viện Quân y 110	Bắc Ninh	869.540.000	26.086.200
156	27159	Trung tâm y tế huyện Quế Võ	Bắc Ninh	173.908.000	5.217.240
157	27157	Trung tâm y tế huyện Tiên Du	Bắc Ninh	114.779.280	3.443.378
158	27152	Trung tâm y tế huyện Yên Phong	Bắc Ninh	160.864.900	4.825.947
159	27004	Trung tâm y tế Thị xã Từ Sơn	Bắc Ninh	939.103.200	28.173.096
160	04016	Bệnh viện Tỉnh Túc	Cao Bằng	15.303.904	459.117
161	04015	Bệnh viện y học cổ truyền	Cao Bằng	26.086.200	782.586
162	04002	Trung tâm Y tế huyện Bảo Lạc	Cao Bằng	17.390.800	521.724
163	04012	Trung tâm Y tế huyện Bảo Lâm	Cao Bằng	10.434.480	313.034
164	04008	Trung tâm y tế huyện Hòa An	Cao Bằng	293.904.520	8.817.136
165	04007	Trung tâm y tế huyện Nguyên Bình	Cao Bằng	17.390.800	521.724
166	04009	Trung tâm Y tế Quảng Uyên	Cao Bằng	121.735.600	3.652.068
167	04003	Trung Tâm Y tế Thông Nông	Cao Bằng	34.781.600	1.043.448
168	11001	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Điện Biên	Điện Biên	173.908.000	5.217.240
169	11051	Bệnh viện Y học cổ truyền	Điện Biên	41.737.920	1.252.138
170	11082	Trung tâm y tế huyện Mường Ảng	Điện Biên	173.908.000	5.217.240
171	11002	Trung tâm y tế thành phố Điện Biên	Điện Biên	8.695.400	260.862
172	02011	Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn	Hà Giang	17.390.800	521.724
173	02005	Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên	Hà Giang	13.912.640	417.379
174	02006	Bệnh viện đa khoa KV huyện Hoàng Su Phì	Hà Giang	17.390.800	521.724
175	35001	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Nam	Hà Nam	208.689.600	6.260.688
176	01043	Bệnh viện 198 (Bộ Công An)	Hà Nội	746.065.320	22.381.960
177	01077	Bệnh viện Bắc Thăng Long	Hà Nội	260.862.000	7.825.860
178	01929	Bệnh viện Bạch Mai	Hà Nội	3.130.344.000	93.910.320
179	01009	Bệnh viện Bưu điện (Bộ Bưu Chính viễn thông)	Hà Nội	463.290.912	13.898.727
180	01004	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	Hà Nội	417.379.200	12.521.376
181	01816	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Hà Nội	1.565.172.000	46.955.160

182	01056	Bệnh viện đa khoa Hoà Nhai	Hà Nội	695.632.000	20.868.960
183	01822	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	Hà Nội	434.770.000	13.043.100
184	01823	Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ	Hà Nội	260.862.000	7.825.860
185	01820	Bệnh viện đa khoa huyện Đan Phượng	Hà Nội	999.971.000	29.999.130
186	01824	Bệnh viện đa khoa huyện Hoài Đức	Hà Nội	156.517.200	4.695.516
187	01825	Bệnh viện đa khoa huyện Mỹ Đức	Hà Nội	86.954.000	2.608.620
188	01826	Bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ	Hà Nội	208.689.600	6.260.688
189	01829	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Oai	Hà Nội	130.431.000	3.912.930
190	01013	Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp	Hà Nội	452.160.800	13.564.824
191	01161	Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec	Hà Nội	991.275.600	29.738.268
192	01831	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây	Hà Nội	443.465.400	13.303.962
193	01817	Bệnh viện đa khoa Vân Đình	Hà Nội	304.339.000	9.130.170
194	01003	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	Hà Nội	2.086.896.000	62.606.880
195	01934	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Hà Nội	1.912.988.000	57.389.640
196	01065	Bệnh viện Dệt May	Hà Nội	313.034.400	9.391.032
197	01007	Bệnh viện E	Hà Nội	1.304.310.000	39.129.300
198	01001	Bệnh viện Hữu Nghị	Hà Nội	2.086.896.000	62.606.880
199	01901	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	Hà Nội	1.739.080.000	52.172.400
200	01925	Bệnh viện Lão khoa TW	Hà Nội	9.391.032.000	281.730.960
201	01914	Bệnh viện Nội tiết Trung Ương	Hà Nội	347.816.000	10.434.480
202	01910	Bệnh viện Phổi Trung ương	Hà Nội	243.471.200	7.304.136
203	01930	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Hà Nội	86.954.000	2.608.620
204	01016	Bệnh viện Quân Y 103	Hà Nội	7.651.952.000	229.558.560
205	01819	Bệnh viện Quân Y 105	Hà Nội	1.739.080.000	52.172.400
206	01015	Bệnh viện Quân Y 354	Hà Nội	2.608.620.000	78.258.600
207	01006	Bệnh viện Thanh Nhân	Hà Nội	2.086.896.000	62.606.880
208	01097	Bệnh viện Thể Thao Việt Nam	Hà Nội	69.563.200	2.086.896

209	01060	Bệnh viện Tuệ Tĩnh - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam	Hà Nội	173.908.000	5.217.240
210	01005	Bệnh viện Việt Nam - Cu Ba	Hà Nội	8.695.400	260.862
211	01055	Bệnh viện Xây dựng	Hà Nội	1.304.310.000	39.129.300
212	01062	Bệnh viện Y học cổ truyền - Bộ Công an	Hà Nội	530.419.400	15.912.582
213	01047	Bệnh viện Y học Cổ truyền Trung ương	Hà Nội	2.892.090.040	86.762.701
214	01935	Bệnh viện YHCT Hà Đông	Hà Nội	565.201.000	16.956.030
215	01010	Công ty cổ phần Bệnh viện GTVT	Hà Nội	869.540.000	26.086.200
216	01111	Trung tâm tim mạch - Bệnh viện E	Hà Nội	121.735.600	3.652.068
217	01019	Viện Y học Cổ truyền Quân đội	Hà Nội	409.031.616	12.270.949
218	01927	Viện Y học phóng xạ và U bướu Quân đội	Hà Nội	8.695.400	260.862
219	30016	Ban Bảo vệ CSSK cán bộ	Hải Dương	69.563.200	2.086.896
220	30298	Bệnh viện YHCT Hải Dương	Hải Dương	278.252.800	8.347.584
221	30307	Bệnh viện đa khoa Hòa Bình	Hải Dương	626.068.800	18.782.064
222	30014	Bệnh viện quân y 7	Hải Dương	173.908.000	5.217.240
223	30012	BV ĐK huyện Cẩm Giàng	Hải Dương	21.912.408	657.372
224	30004	BV ĐK huyện Nam Sách	Hải Dương	208.689.600	6.260.688
225	30006	BV ĐK huyện Ninh Giang	Hải Dương	173.908.000	5.217.240
226	30009	BV ĐK huyện Thanh Hà	Hải Dương	208.689.600	6.260.688
227	30013	BV ĐK tỉnh Hải Dương	Hải Dương	519.984.920	15.599.548
228	30002	Trung tâm Y tế huyện Bình Giang	Hải Dương	104.344.800	3.130.344
229	30007	Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ	Hải Dương	13.912.640	417.379
230	30005	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Kinh Môn	Hải Dương	94.779.860	2.843.396
231	30011	TTYT huyện Thanh Miện	Hải Dương	208.689.600	6.260.688
232	31017	Bệnh viện Công an thành phố HP	Hải Phòng	330.425.200	9.912.756
233	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Hải Phòng	90.432.160	2.712.965
234	31031	Bệnh viện Kiến An	Hải Phòng	17.390.800	521.724
235	31011	Trung tâm y tế huyện Kiến Thụy	Hải Phòng	76.519.520	2.295.586

236	31005	Trung tâm y tế quận Kiến An	Hải Phòng	17.390.800	521.724
237	17014	Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe tinh Hòa Bình	Hòa Bình	260.862.000	7.825.860
238	17001	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	1.669.516.800	50.085.504
239	17012	Trung tâm Y tế huyện Kim Bôi	Hòa Bình	139.126.400	4.173.792
240	17009	Trung tâm Y tế huyện Tân Lạc	Hòa Bình	8.695.400	260.862
241	33016	Bệnh viện Y học cổ truyền	Hung Yên	59.128.720	1.773.862
242	33060	Trung tâm y tế huyện Khoái Châu	Hung Yên	139.126.400	4.173.792
243	33040	Trung tâm y tế huyện Kim Động	Hung Yên	10.434.480	313.034
244	33020	Trung tâm y tế huyện Tiên Lữ	Hung Yên	173.908.000	5.217.240
245	33101	Trung tâm y tế huyện Văn Lâm	Hung Yên	8.695.400	260.862
246	12096	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lai Châu	Lai Châu	1.043.448.000	31.303.440
247	12015	Trung tâm y tế huyện Mường Tè	Lai Châu	9.999.710	299.991
248	12135	Trung tâm y tế huyện Nậm Nhùn	Lai Châu	43.477.000	1.304.310
249	12014	Trung tâm y tế huyện Sìn Hồ	Lai Châu	10.434.480	313.034
250	12001	Trung tâm y tế huyện Tam Đường	Lai Châu	86.954.000	2.608.620
251	12101	Trung tâm y tế huyện Tân Uyên	Lai Châu	208.689.600	6.260.688
252	12016	Trung tâm y tế huyện Than Uyên	Lai Châu	86.954.000	2.608.620
253	20003	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn	Lạng Sơn	1.217.356.000	36.520.680
254	20019	Bệnh viện Phổi Lạng Sơn	Lạng Sơn	31.303.440	939.103
255	20009	Trung tâm y tế huyện Bắc Sơn	Lạng Sơn	173.908.000	5.217.240
256	20014	Trung tâm y tế huyện Chi Lăng	Lạng Sơn	104.344.800	3.130.344
257	20016	Trung tâm y tế huyện Hữu Lũng	Lạng Sơn	146.082.720	4.382.482
258	20006	Trung tâm y tế huyện Tràng Định	Lạng Sơn	173.908.000	5.217.240
259	20008	Trung tâm y tế huyện Văn Lãng	Lạng Sơn	20.868.960	626.069
260	10005	Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Hà - Lào Cai	Lào Cai	153.039.040	4.591.171
261	10003	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Thắng - Lào Cai	Lào Cai	173.908.000	5.217.240
262	10007	Bệnh viện đa khoa huyện Bát Xát - Lào Cai	Lào Cai	104.344.800	3.130.344

263	10006	Bệnh viện đa khoa huyện Mường Khương - Lào Cai	Lào Cai	34.781.600	1.043.448
264	10008	Bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn - Lào Cai	Lào Cai	226.080.400	6.782.412
265	10068	Bệnh viện đa khoa Thành phố Lào Cai	Lào Cai	173.908.000	5.217.240
266	10061	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai	Lào Cai	1.147.792.800	34.433.784
267	10010	Bệnh viện Y học cổ truyền - Lào Cai	Lào Cai	43.477.000	1.304.310
268	10021	Trung tâm Y tế huyện Si Ma Cai - Lào Cai	Lào Cai	41.737.920	1.252.138
269	36001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định	Nam Định	904.321.600	27.129.648
270	36011	Trung tâm Y tế huyện Trực Ninh	Nam Định	104.344.800	3.130.344
271	36041	Trung tâm Y tế Thành phố Nam Định	Nam Định	43.477.000	1.304.310
272	37301	Bệnh viện đa khoa huyện Nho Quan	Ninh Bình	86.954.000	2.608.620
273	37101	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình	243.471.200	7.304.136
274	37102	Bệnh viện quân y 5 - Quân khu 3	Ninh Bình	869.540.000	26.086.200
275	37401	Trung tâm y tế huyện Gia Viễn	Ninh Bình	139.126.400	4.173.792
276	37601	Trung tâm y tế huyện Yên Mô	Ninh Bình	43.477.000	1.304.310
277	25012	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Lập	Phú Thọ	17.390.800	521.724
278	25011	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Khê	Phú Thọ	86.954.000	2.608.620
279	25015	Trung tâm y tế huyện Đoan Hùng	Phú Thọ	139.126.400	4.173.792
280	25014	Trung tâm y tế huyện Hạ Hòa	Phú Thọ	76.519.520	2.295.586
281	25004	Trung tâm y tế huyện Lâm Thao	Phú Thọ	114.779.280	3.443.378
282	25010	Trung tâm Y tế huyện Thanh Sơn	Phú Thọ	55.650.560	1.669.517
283	22002	Bệnh viện Bãi Cháy	Quảng Ninh	1.198.226.120	35.946.784
284	22007	Bệnh viện đa khoa Cẩm phả	Quảng Ninh	347.816.000	10.434.480
285	22095	Bệnh viện đa khoa KV Cẩm Phả	Quảng Ninh	147.821.800	4.434.654
286	22030	Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển - Uông Bí	Quảng Ninh	3.478.160.000	104.344.800
287	22026	Trung tâm y tế huyện Ba Chẽ	Quảng Ninh	104.344.800	3.130.344
288	22022	Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên	Quảng Ninh	260.862.000	7.825.860
289	22042	Trung tâm Y tế Than khu vực Mạo Khê	Quảng Ninh	191.298.800	5.738.964

290	22015	Trung tâm Y tế thị xã Đông Triều	Quảng Ninh	260.862.000	7.825.860
291	14010	Bệnh viện đa khoa Bắc Yên	Sơn La	260.862.000	7.825.860
292	14240	Bệnh viện đa khoa Cuộc Sống	Sơn La	782.586.000	23.477.580
293	14004	Bệnh viện đa khoa huyện Phù Yên	Sơn La	166.951.680	5.008.550
294	14002	Bệnh viện đa khoa Mai Sơn	Sơn La	503.463.660	15.103.910
295	14009	Bệnh viện đa khoa Mường La	Sơn La	52.172.400	1.565.172
296	14007	Bệnh viện đa khoa Sông Mã	Sơn La	60.867.800	1.826.034
297	14011	Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên	Sơn La	473.377.576	14.201.327
298	14005	Bệnh viện đa khoa Thuận Châu	Sơn La	173.908.000	5.217.240
299	14001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La	Sơn La	460.508.384	13.815.252
300	14006	Bệnh viện đa khoa Yên Châu	Sơn La	173.908.000	5.217.240
301	34317	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe tỉnh	Thái Bình	43.477.000	1.304.310
302	34004	Bệnh viện đa khoa huyện Kiến Xương	Thái Bình	347.816.000	10.434.480
303	34007	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Phụ	Thái Bình	542.592.960	16.277.789
304	34005	Bệnh viện đa khoa huyện Tiền Hải	Thái Bình	382.597.600	11.477.928
305	34311	Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải	Thái Bình	208.689.600	6.260.688
306	34312	Bệnh viện đa khoa Phụ Dục	Thái Bình	104.344.800	3.130.344
307	34314	Bệnh viện đa khoa Thái Ninh	Thái Bình	208.689.600	6.260.688
308	34001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình	Thái Bình	519.984.920	15.599.548
309	19033	Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Thái Nguyên	Thái Nguyên	27.825.280	834.758
310	19012	Bệnh viện A Thái Nguyên	Thái Nguyên	1.043.448.000	31.303.440
311	19007	Bệnh viện đa khoa huyện Đại Từ	Thái Nguyên	69.563.200	2.086.896
312	19005	Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Hỷ	Thái Nguyên	208.689.600	6.260.688
313	19009	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình	Thái Nguyên	339.120.600	10.173.618
314	19015	Bệnh viện Quân Y 91	Thái Nguyên	260.862.000	7.825.860
315	19019	Bệnh viện Trường Đại học Y khoa	Thái Nguyên	45.216.080	1.356.482
316	19666	Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc Tế Thái Nguyên	Thái Nguyên	226.080.400	6.782.412

317	19008	Trung tâm y tế thị xã Phổ Yên	Thái Nguyên	86.954.000	2.608.620
318	08307	Bệnh viện đa khoa khu vực Kim Xuyên	Tuyên Quang	52.172.400	1.565.172
319	08003	Bệnh viện đa khoa Phương Bắc	Tuyên Quang	173.908.000	5.217.240
320	08201	Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm	Tuyên Quang	191.298.800	5.738.964
321	08501	Trung tâm y tế huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	913.017.000	27.390.510
322	08401	Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	347.816.000	10.434.480
323	08602	Trung tâm Y tế huyện Na Hang	Tuyên Quang	79.562.910	2.386.887
324	08303	Trung tâm y tế huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	347.816.000	10.434.480
325	08204	Trung tâm y tế huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	139.126.400	4.173.792
326	26030	Bệnh viện đa khoa khu vực Phúc Yên	Vĩnh Phúc	1.391.264.000	41.737.920
327	26001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	539.114.800	16.173.444
328	26021	Bệnh viện Giao thông vận tải Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	60.867.800	1.826.034
329	26003	Trung tâm y tế huyện Sông Lô	Vĩnh Phúc	48.694.240	1.460.827
330	26004	Trung tâm y tế huyện Tam Dương	Vĩnh Phúc	53.563.664	1.606.910
331	26005	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	229.558.560	6.886.757
332	26025	Trung tâm y tế thị xã Phúc Yên	Vĩnh Phúc	22.608.040	678.241
333	15901	Bệnh viện đa khoa KV Nghĩa Lộ	Yên Bái	1.391.264.000	41.737.920
334	15101	Bệnh viện đa khoa tỉnh Yên Bái	Yên Bái	2.577.316.560	77.319.497
335	15030	Bệnh viện Lao và phổi tỉnh Yên Bái	Yên Bái	104.344.800	3.130.344
336	15201	Trung tâm y tế huyện Lục Yên	Yên Bái	104.344.800	3.130.344
337	15701	Trung tâm y tế huyện Trấn Yên	Yên Bái	139.126.400	4.173.792
338	15301	Trung tâm y tế huyện Văn Yên	Yên Bái	34.781.600	1.043.448
339	15401	Trung tâm y tế huyện Yên Bình	Yên Bái	113.040.200	3.391.206
340	15104	Trung tâm y tế thành phố Yên Bái	Yên Bái	43.477.000	1.304.310
341	52010	Bệnh viện Phong - Da liễu trung ương Quy Hòa	Bình Định	139.126.400	4.173.792
342	52004	Bệnh viện Quân Y 13 - Quân khu 5	Bình Định	90.432.160	2.712.965
343	52006	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Bình Định	208.689.600	6.260.688

344	52002	Trung tâm y tế thành phố Quy Nhơn	Bình Định	208.689.600	6.260.688
345	52007	Trung tâm y tế thị xã An Nhơn	Bình Định	45.216.080	1.356.482
346	60037	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Bình thuận	Bình Thuận	77.910.784	2.337.324
347	60043	Bệnh viện đa khoa tư nhân An Phước	Bình Thuận	40.346.656	1.210.400
348	60016	Trung tâm y tế Quân dân y huyện Phú Quý	Bình Thuận	44.520.448	1.335.613
349	48002	Bệnh viện C Đà Nẵng	Đà Nẵng	104.344.800	3.130.344
350	48195	Bệnh viện đa khoa Gia Đình	Đà Nẵng	417.379.200	12.521.376
351	48072	Bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Đà Nẵng	Đà Nẵng	462.595.280	13.877.858
352	48201	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Đà Nẵng	Đà Nẵng	191.298.800	5.738.964
353	48006	Bệnh viện Quân Y 17/QK 5	Đà Nẵng	174.777.540	5.243.326
354	48126	Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Đà Nẵng	8.695.400	260.862
355	48073	Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Bình Dân	Đà Nẵng	10.434.480	313.035
356	48003	Trung tâm y tế quận Hải Châu	Đà Nẵng	62.606.880	1.878.206
357	48008	Trung tâm y tế quận Liên Chiểu	Đà Nẵng	19.129.880	573.896
358	66020	Bệnh viện đa khoa huyện Buôn Đôn	Đắk Lắk	269.557.400	8.086.722
359	66017	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Năng	Đắk Lắk	92.171.240	2.765.137
360	66003	Bệnh viện đa khoa Thành phố Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk	69.563.200	2.086.896
361	66232	Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh	Đắk Lắk	278.252.800	8.347.584
362	66002	Bệnh viện YHCT Đắk Lắk	Đắk Lắk	21.738.500	652.155
363	67072	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	Đắk Nông	695.632.000	20.868.960
364	67014	Trung tâm Y tế huyện Đắk R'Lấp	Đắk Nông	243.471.200	7.304.136
365	64015	Bệnh viện 331	Gia Lai	86.954.000	2.608.620
366	64003	Bệnh viện đa khoa khu vực thị xã An Khê	Gia Lai	52.172.400	1.565.172
367	64246	Bệnh viện Quân y 15	Gia Lai	69.563.200	2.086.896
368	64007	Trung tâm y tế huyện Chư Sê	Gia Lai	43.477.000	1.304.310
369	42010	Bệnh viện đa khoa Kỳ Anh	Hà Tĩnh	86.954.000	2.608.620
370	42011	Trung tâm Y tế huyện Vũ Quang	Hà Tĩnh	83.475.840	2.504.275

371	56175	Bệnh viện Đa khoa KV Ninh Hòa	Khánh Hòa	1.081.533.852	32.446.016
372	56001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	Khánh Hòa	3.825.976.000	114.779.280
373	56191	Bệnh viện Vinmec Nha Trang	Khánh Hòa	313.034.400	9.391.032
374	56007	Trung tâm y tế huyện Khánh Sơn	Khánh Hòa	13.912.640	417.379
375	56003	Trung tâm y tế thị xã Ninh Hòa	Khánh Hòa	130.431.000	3.912.930
376	62004	Trung tâm y tế huyện Đắk Tô	Kon Tum	26.955.740	808.672
377	68650	Bệnh viện đa khoa II Lâm Đồng	Lâm Đồng	173.908.000	5.217.240
378	68001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Lâm Đồng	3.756.412.800	112.692.384
379	68002	Bệnh viện YHCT Phạm Ngọc Thạch - Lâm Đồng	Lâm Đồng	104.344.800	3.130.344
380	68720	Trung tâm y tế huyện Bảo Lâm	Lâm Đồng	60.867.800	1.826.034
381	68930	Trung tâm y tế huyện Cát Tiên	Lâm Đồng	69.563.200	2.086.896
382	68860	Trung tâm y tế huyện Đạ Tẻh	Lâm Đồng	83.475.840	2.504.275
383	68440	Trung tâm y tế huyện Đức Trọng	Lâm Đồng	21.738.500	652.155
384	68510	Trung tâm y tế huyện Lâm Hà	Lâm Đồng	43.477.000	1.304.310
385	40571	Bệnh viện Chấn thương - Chính hình Nghệ An	Nghệ An	173.908.000	5.217.240
386	40544	Bệnh viện đa khoa Cửa Đông	Nghệ An	230.862.870	6.925.886
387	40007	Bệnh viện đa khoa huyện Diễn Châu	Nghệ An	73.041.360	2.191.241
388	40013	Bệnh viện đa khoa KV Tây Nam Nghệ An	Nghệ An	695.632.000	20.868.960
389	40545	Bệnh viện đa khoa Phú Diễn	Nghệ An	201.733.280	6.051.998
390	40019	Bệnh viện đa khoa Thành phố Vinh	Nghệ An	417.379.200	12.521.376
391	40001	Bệnh viện hữu nghị đa khoa tỉnh Nghệ An	Nghệ An	27.825.280	834.758
392	40065	Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nghệ An	Nghệ An	41.737.920	1.252.138
393	40026	Bệnh viện Quân y 4 - Quân khu 4	Nghệ An	278.252.800	8.347.584
394	40025	Bệnh viện Y học Cổ truyền	Nghệ An	8.695.400	260.862
395	40542	Công ty cổ phần Bệnh viện 115	Nghệ An	141.995.882	4.259.877
396	40010	Trung tâm y tế huyện Anh Sơn	Nghệ An	347.816.000	10.434.480
397	40017	Trung tâm y tế huyện Quỳnh Châu	Nghệ An	139.126.400	4.173.792

398	40016	Trung tâm y tế huyện Quỳnh Hợp	Nghệ An	191.298.800	5.738.964
399	40012	Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ	Nghệ An	382.597.600	11.477.928
400	40020	Trung tâm y tế Thị xã Cửa Lò	Nghệ An	26.086.200	782.586
401	58001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận	Ninh Thuận	3.478.160.000	104.344.800
402	54001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên	Phú Yên	695.632.000	20.868.960
403	54008	Bệnh viện Phục hồi chức năng Phú Yên	Phú Yên	111.301.120	3.339.034
404	54007	Trung Tâm Y Tế huyện Đồng Xuân	Phú Yên	41.737.920	1.252.138
405	54028	Trung tâm Y tế huyện Phú Hòa	Phú Yên	114.779.280	3.443.378
406	54006	Trung tâm y tế huyện Sơn Hòa	Phú Yên	43.477.000	1.304.310
407	54004	Trung tâm Y tế huyện Sông Hinh	Phú Yên	20.868.960	626.069
408	54012	Trung tâm Y tế huyện Tây Hòa	Phú Yên	41.737.920	1.252.138
409	49001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam	104.344.800	3.130.344
410	49088	Trung tâm y tế huyện Nông Sơn	Quảng Nam	48.694.240	1.460.827
411	49008	Trung tâm Y tế huyện Quế Sơn	Quảng Nam	347.816.000	10.434.480
412	45011	Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Hải	Quảng Trị	313.034.400	9.391.032
413	45010	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị	Quảng Trị	286.948.200	8.608.446
414	45009	Trung tâm y tế huyện Đakrông	Quảng Trị	13.912.640	417.379
415	45007	Trung tâm y tế huyện Hải Lăng	Quảng Trị	55.650.560	1.669.517
416	45006	Trung tâm y tế huyện Triệu Phong	Quảng Trị	117.387.900	3.521.637
417	45003	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh	Quảng Trị	243.471.200	7.304.136
418	38050	Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước	Thanh Hóa	146.430.536	4.392.916
419	38100	Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy	Thanh Hóa	173.908.000	5.217.240
420	38180	Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung	Thanh Hóa	452.160.800	13.564.824
421	38190	Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hoá	Thanh Hóa	208.689.600	6.260.688
422	38080	Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh	Thanh Hóa	229.558.560	6.886.757
423	38200	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn	Thanh Hóa	62.606.880	1.878.206
424	38070	Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân	Thanh Hóa	78.258.600	2.347.758

425	38120	Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân	Thanh Hóa	834.758.400	25.042.752
426	38060	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân	Thanh Hóa	417.379.200	12.521.376
427	38130	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lộc	Thanh Hóa	69.563.200	2.086.896
428	38140	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định	Thanh Hóa	730.413.600	21.912.408
429	38090	Bệnh viện đa khoa KV Ngọc Lặc	Thanh Hóa	834.758.400	25.042.752
430	38010	Bệnh viện đa khoa thành phố Thanh Hóa	Thanh Hóa	121.735.600	3.652.068
431	38031	Bệnh viện ĐDPHCN Thanh Hóa	Thanh Hóa	13.043.100	391.293
432	38034	Bệnh viện Điều dưỡng phục hồi chức năng Trung ương	Thanh Hóa	160.951.854	4.828.556
433	38001	Bệnh viện nội tiết Thanh Hoá	Thanh Hóa	229.558.560	6.886.757
434	38286	Bệnh viện phổi Thanh Hóa	Thanh Hóa	5.738.964	172.169
435	46002	Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế	Thừa Thiên Huế	191.298.800	5.738.964
436	46114	Trung tâm y tế thị xã Hương Thủy	Thừa Thiên Huế	27.825.280	834.758
437	46127	TTYT huyện Phú Lộc	Thừa Thiên Huế	34.781.600	1.043.448
438	89339	Bệnh viện đa khoa Hạnh Phúc	An Giang	15.303.904	459.117
439	89013	Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh	An Giang	521.724.000	15.651.720
440	89338	Bệnh viện đa khoa Nhật Tân	An Giang	546.071.120	16.382.134
441	89012	Bệnh viện đa khoa TT - AG	An Giang	459.117.120	13.773.514
442	89015	Bệnh viện Tim Mạch	An Giang	1.248.659.440	37.459.783
443	89003	Trung tâm y tế huyện An Phú	An Giang	175.299.264	5.258.978
444	77001	Bệnh viện Lê Lợi	Bà Rịa Vũng Tàu	208.689.600	6.260.688
445	95005	Bệnh viện đa khoa huyện Hồng Dân	BẠC LIÊU	313.034.400	9.391.032
446	95076	Bệnh viện đa khoa Thanh vũ MEDIC	BẠC LIÊU	69.563.200	2.086.896
447	95078	Bệnh viện đa khoa Thanh Vũ MEDIC Bạc Liêu	BẠC LIÊU	486.942.400	14.608.272
448	95007	Trung tâm y tế huyện Đông Hải	BẠC LIÊU	34.781.600	1.043.448
449	95035	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lợi	BẠC LIÊU	11.304.020	339.121
450	83100	Bệnh viện đa khoa khu vực Ba Tri	Bến Tre	113.040.200	3.391.206
451	74001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	Bình Dương	1.565.172.000	46.955.160

452	74021	Bệnh viện Quân Y 4 - Quân đoàn 4	Bình Dương	34.781.600	1.043.448
453	96019	Bệnh viện đa khoa Khu vực Cái Nước	Cà Mau	918.234.240	27.547.027
454	96025	Bệnh viện đa khoa KV Đầm Dơi	Cà Mau	34.781.600	1.043.448
455	96067	Trung tâm y tế huyện Ngọc Hiển	Cà Mau	125.213.760	3.756.413
456	96066	Trung tâm y tế huyện Phú Tân	Cà Mau	104.344.800	3.130.344
457	96011	Trung tâm y tế huyện Thới Bình	Cà Mau	130.431.000	3.912.930
458	92088	Bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Cửu Long	Cần Thơ	1.356.482.400	40.694.472
459	92000	Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ	Cần Thơ	2.782.528.000	83.475.840
460	92092	Bệnh viện Quân dân Y	Cần Thơ	93.910.320	2.817.310
461	92120	Bệnh viện Tâm Minh Đức	Cần Thơ	83.475.840	2.504.275
462	92115	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Cần Thơ	556.505.600	16.695.168
463	92114	BV Quốc tế Phương Châu	Cần Thơ	17.390.800	521.724
464	92013	BV Y học cổ truyền	Cần Thơ	2.295.585.600	68.867.568
465	75002	Bệnh viện đa khoa Thống Nhất Đồng Nai	Đồng Nai	730.413.600	21.912.408
466	75263	Bệnh viện Hoàn Mỹ quốc tế Đồng Nai	Đồng Nai	178.255.700	5.347.671
467	75021	Bệnh viện Quân y 7B	Đồng Nai	17.390.800	521.724
468	75096	Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ	Đồng Nai	97.388.480	2.921.654
469	87012	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Đồng Tháp	280.252.742	8.407.582
470	87015	Bệnh viện đa khoa khu vực Hồng Ngự	Đồng Tháp	104.344.800	3.130.344
471	87014	Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	Đồng Tháp	1.229.964.330	36.898.930
472	87158	Công ty Cổ phần Bệnh viện Thái Hòa	Đồng Tháp	304.339.000	9.130.170
473	87174	Công ty Cổ phần BVĐK Tâm Trí Đồng Tháp	Đồng Tháp	695.632.000	20.868.960
474	87009	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	Đồng Tháp	4.173.792	125.214
475	87011	Trung tâm Y tế huyện Lai Vung	Đồng Tháp	60.867.800	1.826.034
476	87008	Trung tâm Y tế huyện Tân Hồng	Đồng Tháp	240.862.580	7.225.877
477	91001	Bệnh viện đa khoa Kiên Giang	Kiên Giang	1.304.310.000	39.129.300
478	91034	Bệnh viện đa khoa tư nhân Bình An	Kiên Giang	269.557.400	8.086.722

479	91006	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	Kiên Giang	156.517.200	4.695.516
480	91013	Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương	Kiên Giang	69.563.200	2.086.896
481	91011	Trung tâm Y tế huyện Phú Quốc	Kiên Giang	132.170.080	3.965.102
482	91002	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	Kiên Giang	521.724.000	15.651.720
483	80001	Bệnh viện đa khoa Long An	Long An	765.195.200	22.955.856
484	80012	Trung tâm y tế huyện Tân Thạnh	Long An	69.563.200	2.086.896
485	94003	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Tú	Sóc Trăng	12.521.376	375.641
486	72010	Bệnh viện đa khoa Tây Ninh	Tây Ninh	913.017.000	27.390.510
487	72120	Bệnh viện Điều dưỡng và phục hồi chức năng - PHCN	Tây Ninh	382.597.600	11.477.928
488	72007	Trung tâm y tế Châu Thành	Tây Ninh	69.563.200	2.086.896
489	82001	Bệnh viện đa khoa trung tâm Tiền Giang	Tiền Giang	192.516.156	5.775.485
490	82020	Bệnh viện Quân y 120	Tiền Giang	191.298.800	5.738.964
491	79011	Bệnh viện 30/4	TP. HCM	123.822.496	3.714.675
492	79016	Bệnh viện 7A	TP. HCM	452.160.800	13.564.824
493	79012	Bệnh viện An Bình	TP. HCM	1.043.448.000	31.303.440
494	79048	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. HCM	1.162.314.118	34.869.424
495	79041	Bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn	TP. HCM	130.431.000	3.912.930
496	79001	Bệnh viện đa khoa Sài Gòn	TP. HCM	12.521.376	375.641
497	79020	Bệnh viện Điều dưỡng PHCN điều trị bệnh nghề nghiệp	TP. HCM	734.587.392	22.037.622
498	79039	Bệnh viện huyện Củ Chi	TP. HCM	69.563.200	2.086.896
499	79045	Bệnh viện huyện Nhà Bè	TP. HCM	10.086.664	302.600
500	79036	Bệnh viện khu vực Thủ Đức	TP. HCM	1.478.218.000	44.346.540
501	79014	Bệnh viện Nguyễn Trãi	TP. HCM	1.342.569.760	40.277.093
502	79013	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	TP. HCM	304.339.000	9.130.170
503	79024	Bệnh viện Nhân Dân 115	TP. HCM	1.130.402.000	33.912.060
504	79030	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	TP. HCM	1.739.080.000	52.172.400
505	79057	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	TP. HCM	260.862.000	7.825.860

506	79054	Bệnh viện Quận Tân Phú	TP. HCM	695.632.000	20.868.960
507	79034	Bệnh viện quân y 175	TP. HCM	1.331.439.648	39.943.189
508	79025	Bệnh viện Thống Nhất	TP. HCM	2.912.959.000	87.388.770
509	79026	Bệnh viện Trưng Vương	TP. HCM	695.632.000	20.868.960
510	84007	Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang	Trà Vinh	756.499.800	22.694.994
511	84005	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần	Trà Vinh	330.425.200	9.912.756
512	84141	Bệnh viện đa khoa Minh Tâm	Trà Vinh	156.517.200	4.695.516
513	84001	Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	Trà Vinh	1.217.356.000	36.520.680
514	84008	Trung tâm Y tế Thị xã Duyên Hải	Trà Vinh	130.431.000	3.912.930
515	86001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	1.739.080.000	52.172.400
516	86006	Trung tâm y tế huyện Long Hồ	Vĩnh Long	34.781.600	1.043.448
		Tổng		242.768.752.040	7.283.062.561

AN 